

ĐỔI MỚI NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN

• PGS.TS. BÙI HIỀN

Hội Cựu giáo chức Việt Nam

Sự nghiệp giáo dục của nhân dân ta trong hơn nửa thế kỉ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những thành quả vĩ đại chưa từng có trong lịch sử bốn nghìn năm, đã góp phần quyết định vào chiến thắng của hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng thời đang góp phần to lớn vào những thành công bước đầu của công cuộc đổi mới hiện nay. Song cũng phải thẳng thắn nhìn vào sự thật là nền giáo dục đã bộc lộ rất nhiều điểm bất cập và yếu kém, do đó "Đổi mới có tính cách mạng nền giáo dục và đào tạo của nước nhà" là tất yếu.

Để đạt tới mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam là làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, để mọi người dân đều được hưởng độc lập, tự do, hạnh phúc, Luật Giáo dục đã ghi "Giáo dục là quốc sách hàng đầu". Với triết lí *Giáo dục vị nhân sinh* nhằm đào tạo thế hệ trẻ thành người lao động chân tay và trí óc chân chính, tiên tiến với tâm nguyện sẵn sàng xả thân vì hạnh phúc của con người (chứ không phải chỉ của riêng cá nhân) bằng 3 mục tiêu chiến lược: 1. Nâng cao dân trí, đưa trình độ học vấn chung của cả nước lên mức phổ cập trung học phổ thông về cơ bản cho toàn thể công dân đến độ tuổi lao động. 2. Đào tạo đội ngũ lao động đủ về số lượng, có bản lĩnh làm chủ bản thân và xã hội, có ý thức giác ngộ dân tộc và chủ nghĩa xã hội. 3. Bồi dưỡng và sử dụng nhân tài có lòng trung thành với lí tưởng XHCN, sẵn sàng cống hiến tài năng cho sự phát triển khoa học-công nghệ để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Muốn vậy cần phải:

1. Thay đổi toàn bộ hệ thống giáo dục và đào tạo hiện hành.

Nền giáo dục Việt Nam theo đề xuất của chúng tôi, có hai hệ thống song hành: Hệ thống *giáo dục chính quy* và hệ thống *giáo dục không chính quy* là thiết chế song hành tạo điều kiện phù hợp để mọi người có thể học tập suốt đời theo nhu cầu thực tế đối với từng cấp học và trình độ đào tạo. Hệ thống giáo dục quốc dân luôn đảm bảo tính kế thừa, tiếp nối và liên thông trong nội bộ, đồng thời có quan hệ mật thiết với hệ thống thiết chế chính trị xã hội trong cả nước.

1.1. *Giáo dục mầm non* có nhiệm vụ giáo dục trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi nhằm mục tiêu giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, hình thành ý thức và kĩ năng sơ khởi về cách sống tự lập và hoà đồng với xung quanh. Triết lí giáo dục XHCN chỉ ra là: "Ở cấp mẫu giáo, mầm non, không nên hình thành một loại trường cho các cháu con nhà giàu và một loại trường cho các cháu con nhà nghèo."²

1.2. *Giáo dục phổ thông* có nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam đến tuổi 15-16 thành người lao động phát triển tương đối toàn diện, có thể chất tốt, có lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có nhân cách, phẩm chất, đạo đức và kĩ năng sống cần thiết, có kĩ năng lao động tối thiểu và có tâm thế sẵn sàng tham gia lao động phổ thông hoặc tiếp tục học lên để trở thành người lao động có tay nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội. Việc quy định cần có 9-10 năm giáo dục phổ thông cho lớp người này là hoàn toàn thoả đáng, được dựa trên những cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn giáo dục - đào tạo trong và ngoài nước, do đó nó có khả năng đáp ứng tốt nhất và kịp thời nhất các yêu cầu vừa thiết yếu vừa bức bách không thể trì hoãn được của giai

1, 2 Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Đổi mới có tính cách mạng nền giáo dục và đào tạo của nước nhà*, VN Media, 10-09-2007

đoạn cách mạng trong bối cảnh nước nhà đã gia nhập WTO.

Lớp dự bị chỉ dạy học tiếng phổ thông cho đối tượng con em dân tộc khi vào lớp 1. *Lớp 10 học 3 đến 6 tháng* để dạy nghề phổ thông bắt buộc cho những học sinh đã thi kết thúc bậc phổ thông trung học, nhưng không vào được cao đẳng và đại học hoặc không có điều kiện học lên. Mỗi thanh niên vào đời ngay sau trung học phổ thông bắt buộc phải có cả kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phổ thông xác định. *Lớp năng khiếu* bồi dưỡng những học sinh có năng lực đặc biệt nổi trội trong một số lĩnh vực toán học, văn học, nghệ thuật, thể thao... nhằm chuẩn bị cung cấp nguồn tuyển sinh cho ngành đại học đào tạo thành những tài năng.

Theo ý kiến của chúng tôi, hệ thống giáo dục phổ thông 9-10 năm mới này rút ngắn ngay được 3 năm học cho tất cả các cấp, do đó đẩy nhanh tốc độ nâng cao dân trí và kịp thời đáp ứng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Nó tiết kiệm kinh phí đào tạo, lại gắn phổ cập giáo dục trung học phổ thông vào ngay độ tuổi đào tạo nghề thuộc tất cả các loại hình trường lớp chuyên nghiệp và chuyên khoa các bậc đại học và sau đại học, tạo điều kiện hội tụ đủ nguồn nhân lực và tài chính cho nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhanh chóng cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời nâng cao vị thế mọi mặt của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Đó còn là góp phần xây dựng lực lượng vũ trang hiện đại hùng mạnh. Tất cả sẽ giúp chúng ta đi tắt đón đầu nhanh nhất và rẻ nhất để đạt được mục tiêu của cách mạng.

Việc chuyển đổi cả hệ thống giáo dục còn có tác dụng không để một bộ phận nguồn nhân lực ưu tú nhất bị các nước phát triển thu hút mất, bởi lẽ đơn giản là họ không chấp nhận trình độ phổ thông 9-10 năm, nên không tuyển thẳng học sinh của ta, mà phải mở các khoá học bổ túc cho phù hợp yêu cầu của họ, như vậy là họ bị chậm đi mất 2-3 năm mới có được nguồn nhân lực như mong muốn. Còn nếu chấp nhận và tuyển thẳng vào học, thì có nghĩa là ta đã tranh thủ được thời gian

cung cấp nhân lực có lợi cho ta. Những bài học lịch sử rút ra từ thực tiễn giáo dục cả trong nước và quốc tế đều có thể chứng minh cho tính đúng đắn và khả thi của hệ thống giáo dục mới này.

1.3. *Giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học* (SĐH) có nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo thanh niên thành lực lượng đông đảo những người lao động có phẩm chất và năng lực với tinh thần yêu nước nồng nàn, có đủ bản lĩnh của người chiến sĩ đi tiên phong xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, nghĩa là thành đội quân xây dựng và chiến đấu hùng hậu có tay nghề xác định vững vàng cho đất nước, bao gồm từ công nhân và nhân viên dịch vụ chuyên nghiệp (bậc 2,3,4) đến kỹ thuật viên, kỹ sư thực hành, cán bộ nghiên cứu chuyên khoa (cử nhân khoa học, thạc sĩ và tiến sĩ), đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với hệ thống các viện khoa học thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản chuyên ngành và khoa học ứng dụng phục vụ thực tiễn sản xuất, dịch vụ xã hội và quốc phòng, cũng như phục vụ sự phát triển ngày càng cao, càng sâu của bản thân một số ngành khoa học ưu tiên. Trước hết cần khẳng định đây là bậc giáo dục và đào tạo nghề nghiệp chung cho tất cả những ai đã tốt nghiệp trung học phổ thông 9, nên tất cả các trường lớp ở đây đều cao hơn giáo dục phổ thông và đều thuộc về một trong hai phân ngành theo hai mục tiêu đào tạo là: cao đẳng chuyên nghiệp và đại học chuyên khoa.

1.3.1. *Giáo dục cao đẳng chuyên nghiệp* (GDCĐCN) hướng trọng tâm vào việc nghiên cứu khoa học ứng dụng và có trách nhiệm đào tạo nghề nghiệp cho thanh niên nhằm đạt được các kiến thức và kỹ năng thực hành tương ứng với các cấp bậc nghề nghiệp từ công nhân, nhân viên chuyên nghiệp bậc 1, bậc 2, bậc 3 (hay kỹ thuật viên trung cấp) và bậc 4 (hay kỹ thuật viên cao cấp) cho tới kỹ sư thực hành và thạc sĩ. Trên cơ sở đó tổ chức trường lớp theo từng cấp riêng rẽ (trường chuyên nghiệp sơ cấp 1 năm, trung cấp 2 năm, cao cấp 3 năm) hoặc trường chuyên nghiệp cao đẳng 4 năm liên tục và khoá cao học 2 năm tiếp theo. Như vậy là có cơ hội nhanh chóng cải thiện được cơ cấu lao động qua đào

tao là: 1 đại học và trên đại học - 3 trung học chuyên nghiệp - 5 công nhân kĩ thuật³.

1.3.2. *Giáo dục đại học chuyên khoa* (GDĐHCK) hướng trọng tâm vào nghiên cứu khoa học cơ bản và có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị cho thanh niên những cơ sở khoa học chuyên ngành liên quan đến mục tiêu và yêu cầu đào tạo của mỗi ngành kinh tế quốc dân và quốc phòng - an ninh, đồng thời rèn luyện kĩ năng thực hành và nghiên cứu chuyên môn tương ứng đạt trình độ từ cử nhân, thạc sĩ chuyên khoa đến tiến sĩ khoa học với những năng lực và phẩm chất đích thực của một nhân cách trí thức XHCN Việt Nam. Có như vậy mới tạo ra được những đầu máy có động cơ đủ mạnh để dẫn dắt đoàn tàu phóng nhanh và ổn định tới mục tiêu XHCN mà ta cần sớm đạt tới, chí ít cũng là không để cho đất nước lạc hậu mãi.

Để đạt được yêu cầu chất lượng giáo dục theo đúng mục tiêu thì song song với việc thay đổi hệ thống giáo dục quốc dân nhất thiết phải thay đổi cả nội dung, phương pháp và quản lí giáo dục trên cơ sở kế thừa những bài học kinh nghiệm có giá trị của Việt Nam và thế giới.

2. Thay đổi nội dung giáo dục trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

2.1. *Nguyên tắc tương đối toàn diện* đảm bảo cho nội dung giáo dục phục vụ mục tiêu hình thành con người lao động XHCN phát triển hài hoà các mặt cơ bản: đức, trí, thể, mĩ, lao, trong đó đức là cái gốc, thể là thân. Tuy nhiên, toàn diện không có nghĩa là dàn đều, mà cần hiểu là trên tổng thể cũng như trong từng vấn đề của nội dung giáo dục phải tìm ra được mặt chính yếu để giải quyết dứt điểm, đến nơi đến chốn. Đặc biệt là khi số năm của hệ thống giáo dục rút ngắn, mà khối lượng tri thức của nhân loại lại tăng lên nhanh chóng, nếu dàn đều trên tất cả các mặt giáo dục thì sẽ ngày càng lún sâu vào tình trạng quá tải, quá sức.

2.2. *Nguyên tắc cơ bản* nêu lên yêu cầu chỉ đưa vào nội dung giáo dục những kiến thức và kĩ năng nền tảng được rút ra từ kho tàng tri thức

ngày càng tăng sao cho chúng vừa đủ để tạo thành năng lực cần thiết cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động hoặc để tiếp tục học lên và đi sâu vào mỗi chuyên ngành ở các bậc học cao hơn. Cơ bản là cái gốc không thể thiếu được đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách nói chung, đồng thời cũng là nền tảng tạo nên năng lực hoạt động trí tuệ độc lập và sáng tạo trong từng lĩnh vực học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về sau của mỗi người.

2.3. *Nguyên tắc hiện đại* là một tiêu chí có tính định hướng nội dung giáo dục để cập nhật những kiến thức mới vào chương trình giáo dục trong khuôn khổ thời lượng có hạn và rút ngắn hơn trước, đồng thời để loại bỏ những phần nội dung lạc hậu, lỗi thời. Song hiện đại không có nghĩa là thời thượng, mà phải chọn lọc cái mới trên các nguyên tắc cơ bản và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cần phải đứng vững trên quan điểm XHCN về giá trị mà hiện đại hoá giáo dục.

2.4. *Nguyên tắc phù hợp với thực tiễn Việt Nam* chính là bộ lọc chính xác và hoàn hảo nhất cho toàn bộ kiến thức và kĩ năng giáo dục cần thiết và có thể đưa vào nhà trường Việt Nam, vì mọi điều dù có cơ bản, hiện đại và hay ho đến đâu cũng chỉ có thể trở thành hữu ích và thiết thực đối với sự phát triển và tiến bộ của Việt Nam, khi chúng thực sự phù hợp với yêu cầu, khả năng, điều kiện thực tiễn và nguyện vọng thiết yếu của người Việt Nam.

2.5. *Nguyên tắc phân hoá* theo yêu cầu nhất thể hoá nội dung phân cứng, đa dạng hoá phần mềm để đảm bảo đáp ứng đúng nhu cầu và khả năng tiếp thu của nhiều nhóm đối tượng nhằm tránh quá tải với nhóm này và tránh quá tải với nhóm khác.

3. Thay đổi phương pháp giáo dục.

Phương pháp giáo dục có vai trò quyết định trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo. Song trên lí luận và trong thực tiễn không có một phương pháp nào tuyệt hảo và luôn luôn phù hợp với mọi đối tượng, mọi chủ thể, mọi hoàn

3 Trương Đình Tuyển, *Sự lỗi lôm trong thế giới phẳng*, Báo Nhân dân điện tử, 18-08-2007

cảnh giáo dục theo yêu cầu của các mục đích, mục tiêu giáo dục khác nhau. Sự đề cao, sùng bái và tuyệt đối hoá tính hiệu quả của một số phương pháp cũ hoặc mới nào đó thực chất đều chỉ nhằm khuếch trương những mưu đồ cạnh tranh thương mại trong giáo dục mà thôi. Để đổi mới giáo dục trong hoàn cảnh Việt Nam đã vào WTO thiết nghĩ cần lưu ý vận dụng sáng tạo và phát huy cao độ một số phương pháp cơ bản sau đây:

3.1. *Phương pháp tích cực sáng tạo* nhằm phát huy tối đa năng lực chủ quan của người dạy và người học để họ chủ động tìm ra những phương pháp, thủ thuật bằng con đường riêng phù hợp với năng lực và sở trường của mỗi người. Để đạt được hiệu quả cao thì không nhất thiết phải lên lớp thật nhiều giờ để thuyết trình đầy đủ có hệ thống toàn bộ nội dung môn học, mà nên nêu lên vấn đề, gợi mở ra hướng tiếp cận và cách giải quyết trong những tình huống xác định, điển hình. Cách dạy-học tích cực sáng tạo làm cho người học bớt đi lối học thụ động, ghi nhớ máy móc những lời giảng nhắc lại nội dung có sẵn trong tài liệu giáo khoa, đồng thời mới thúc đẩy người học tự tìm đọc sách báo, tự phân tích, tổng hợp kiến thức để tích luỹ theo cách riêng của mình, và rất có thể nảy sinh ra những kiến giải mới trong các vấn đề tưởng chừng đã được giải quyết rồi. Chính điều này góp phần khơi nguồn sáng tạo cho mỗi người.

3.2. *Phương pháp lồng ghép tích hợp* nhằm thu gom những phần kiến thức riêng lẻ, rải rác trong nhiều bộ môn có liên quan, gắn gũi với nhau lại để dựng nên những bức tranh toàn cảnh đích thực về từng sự vật vốn tồn tại như một chỉnh thể trong tự nhiên và xã hội. Từ lâu cách tiếp cận tổng hợp đã cho ra đời nhiều môn khoa học liên ngành, nhờ đó đã tìm thấy bản chất đích thực của sự vật. Về phần mình các nhà giáo dục cũng đã thấy rằng giữa các môn học, cả tự nhiên lẫn xã hội, đều có mối liên hệ mật thiết với nhau, thậm chí có nhiều phần nội dung hoà kết vào nhau, nhưng trong thực tế dạy học chúng lại không được gắn kết lại với nhau. Cách dạy học như vậy dễ tạo ra kiểu tư duy máy móc, biệt lập

tới siêu hình, mà khó hình thành nên được kiểu tư duy lô-gic tổng hợp, biện chứng làm điều kiện tiên quyết cho những sáng tạo và phát minh khoa học.

3.3. *Phương pháp kết hợp lí luận với thực tiễn, học đi đôi với hành* nhằm đẩy mạnh rèn luyện kĩ năng thực hành trong thực tiễn lao động sản xuất và đời sống xã hội như một phương thức giáo dục bắt buộc trong suốt cả quá trình đào tạo, bởi vì thực tiễn chẳng những là môi trường sản sinh ra lí thuyết và đào luyện nên kĩ năng thực hành mà còn là thước đo hiệu quả chính xác các kiến thức lí thuyết và khả năng thực hành của mỗi người. Điều này từ lâu đã là chân lí, là kim chỉ nam cho hoạt động giáo dục của nước nhà. Cần kiên quyết loại bỏ cách dạy học lí thuyết chay, coi nhẹ luyện tập thực hành, không gắn với hoạt động thực tiễn chuyên môn-nghề nghiệp trong quá trình giáo dục.

3.4. *Phương pháp giáo dục phát triển* nhằm đảm bảo tăng trưởng đều đặn, liên tục các kiến thức và kĩ năng trên từng giờ học, bài học để duy trì sự phát triển và hoàn thiện nhân cách, không ngừng kích thích và động viên tinh thần hăng say chiếm lĩnh tri thức và ham muốn sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

4. Đổi mới quản lí giáo dục

Tất cả những phần việc cần đổi mới nói trên cũng như nhiều công việc khác nữa của sự nghiệp giáo dục suy cho cùng đều phụ thuộc trước hết vào phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục, từ bộ trưởng đến người lãnh đạo thấp nhất. Bởi vậy cần phải:

4.1. *Đổi mới và kiện toàn đội ngũ quản lí giáo dục* hướng trọng tâm vào việc đánh giá và sàng lọc những cán bộ đương chức để tạo ra một thể hệ quản lí đủ phẩm chất và năng lực đảm nhiệm những công việc quản lí, lãnh đạo phù hợp với những đòi hỏi của công cuộc đổi mới giáo dục. Người quản lí giáo dục trước hết phải là những cán bộ có tâm huyết thực sự với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, đã được đào tạo về giáo dục học, am hiểu sâu sắc thực tiễn giáo dục, đã từng kinh qua quản lí sâu sát và có nhiều sáng tạo, chứ không đơn thuần chỉ giỏi chuyên

môn. Đội ngũ này phải đồng bộ, hoàn chỉnh, có khả năng hợp tác, liên kết mọi nguồn lực phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục theo đúng nhu cầu của cách mạng. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ mọi thói hư tật xấu làm ô danh nhà giáo, ảnh hưởng tiêu cực đến thể hệ trẻ.

4.2. *Đổi mới cơ chế quản lí giáo dục* hướng trọng tâm vào việc xây dựng các định chế, các quy tắc vận hành thông suốt và có hiệu quả hoạt động giáo dục trong toàn hệ thống từ trung ương đến cơ sở, từ cơ quan chủ quản đến các đơn vị trực thuộc, từ lãnh đạo chính quyền địa phương đến các đơn vị thực thi các chức năng trong hệ thống giáo dục. Khâu trung tâm đột phá và điều kiện tiên quyết đảm bảo sức sống mạnh mẽ, sáng tạo trong hoạt động giáo dục phải là triệt để phân cấp và trao hẳn sứ mệnh đào tạo thể hệ trẻ cho đơn vị cơ sở trực tiếp giáo dục, đào tạo, tức nhà trường, được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Nhà nước và xã hội từ đầu vào đến đầu ra trong khuôn khổ pháp luật và điều kiện thực tiễn cho phép.

4.3. *Đổi mới chính sách đầu tư cho giáo dục* theo đúng tinh thần "giáo dục là quốc sách hàng đầu" để đảm bảo điều kiện tiên quyết, sống còn cho chủ nghĩa xã hội như Hồ Chủ tịch đã dạy: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người XHCN". Không chấp nhận chính sách phúc lợi đối với giáo dục, đồng thời cũng kiên quyết chống lại xu thế thương mại hoá giáo dục trong cơn lốc cạnh tranh hút ngọn nguồn chất xám của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia trong WTO. Trong thế kỉ 21 này ai nắm chắc và chi phối được giáo dục, người đó sẽ thu được thắng lợi quyết định.

SUMMARY

The author believes that in order to reach the education quality according to the Vietnamese socialist goals of rich population, strong country, equal, democratic and modern society in parallel to the reform of education system there shall be changes in contents, methods and management based on the valuable lessons from Vietnam and other countries.

CÓ THỂ TIẾP THU... (Tiếp theo trang 41)

quyết định chính xác là mình nên đi về đâu, và làm sao cạnh tranh được với thế giới.

Để giao tiếp với thế giới, người Việt cũng cần giỏi tiếng Anh, thứ tiếng mà ngày nay đã trở thành một ngôn ngữ chung của thế giới. Tiếng Anh phải ở trình độ cao, nếu không, người học từ từ sẽ quên đi những gì đã học. Ở cấp 3, học sinh giỏi phải giao tiếp được với người nước ngoài, nghe và hiểu được Anh ngữ từ radio và tivi nước ngoài; ở cấp đại học, phải nói và viết được tiếng Anh chuyên ngành; và ở cấp cao học, phải thuyết trình được và tranh luận những đề tài chính trong ngành.

Hiện tại Việt Nam là một nước với thu nhập đầu người rất thấp, chưa có những công ti độc lập giàu mạnh ở tầm cỡ quốc tế, và chưa có vị trí cao trên thế giới về mặt kinh tế. Điều này cho thấy khả năng hội nhập thế giới của Việt Nam cần phải được nâng cấp thật nhiều. Song song với việc đào tạo khả năng tạo tổ chức, người Việt cần nâng cấp khả năng tiếng Anh và có sự hiểu biết trung thực về thế giới để chóng tiến lên như Singapore và Hồng Kông.

6. Lời kết

Trong ba thập niên qua Việt Nam vẫn còn là một nước nghèo vì có một nền giáo dục chưa phát triển. Kết quả là người Việt không tạo được những tổ chức kinh tế độc lập lớn mạnh và thường phải làm gia công cho người nước ngoài hay làm ruộng theo cách cổ điển với thu nhập rất thấp. Việt Nam cần có một cuộc đổi mới về giáo dục sớm để tạo được những tổ chức kinh tế lớn có thể cạnh tranh được trên thế giới.

SUMMARY

Based on studies about education in Vietnam and the US the author stresses that for economic growth Vietnamese education shall produce people with 2 important abilities : organization building and internationalization ; in which factors like basic ability, professional, community, leadership, creative ability and personal behavior are important to the education in schools, universities and in the society.